

**CÔNG TY CP VANG THĂNG LONG**

Số: 38 /CPVTL-TC-KT

(V/v: Giải trình về số liệu tài chính tại  
BCTC năm tài chính 2016  
(từ 01/4/2016 đến 31/3/2017))**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2017

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội**

Căn cứ Báo cáo tài chính (BCTC) năm tài chính 2016 (từ 01/4/2016 đến 31/3/2017) đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Vang Thăng Long, Công ty xin được giải trình về sự khác biệt của một số chỉ tiêu trên BCTC năm tài chính 2016 chưa kiểm toán và BCTC năm tài chính 2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt như sau:

**I. Báo cáo tài chính Công ty mẹ:**

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	BCTC Công ty lập	BCTC kiểm toán	Chênh lệch
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	80.746.792.139	80.736.248.820	-10.543.319
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	238.289.873	227.746.554	-10.543.319
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	80.508.502.266	80.508.502.266	0
4. Giá vốn hàng bán	11	61.965.160.672	62.277.843.531	312.682.859
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	18.543.341.594	18.230.658.735	-312.682.859
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	280.018.484	244.582.958	-35.435.526
7. Chi phí tài chính	22	6.317.892.573	6.296.954.640	-20.937.933
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	6.317.892.573	6.296.954.640	-20.937.933
8. Chi phí bán hàng	25	4.247.364.021	4.247.364.021	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.143.998.379	4.805.286.681	-338.711.698
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	3.114.105.105	3.125.636.351	11.531.246
11. Thu nhập khác	31	927.090.909	927.090.909	0
12. Chi phí khác	32	892.115.765	858.729.596	-33.386.169
13. Lợi nhuận khác	40	34.975.144	68.361.313	33.386.169
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	3.149.080.249	3.193.997.664	44.917.415
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	1.055.002.651	1.034.581.732	-20.420.919
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60	2.094.077.598	2.159.415.932	65.338.334



1. **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và Các khoản giảm trừ doanh thu:** Giảm 10.543.319 đồng là do điều chỉnh chiết khấu bán hàng ghi giảm trên hóa đơn không trình bày là khoản giảm trừ doanh thu.
2. **Giá vốn hàng bán:** Tăng 312.682.859 đồng do:
  - + Điều chỉnh tăng:
    - Điều chỉnh chi phí thuê đất kỳ 2 năm 2016 tại 24-26 Nguyễn Công Trứ từ TK 642 về TK 632: 52.020.618 đồng.
    - Chi phí thanh lý bất động sản đầu tư: 33.400.000 đồng.
    - Điều chỉnh chi phí dở dang ở Chi nhánh Ninh Thuận: 227.262.241 đồng.
3. **Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ:** Giảm 312.682.859 đồng do ảnh hưởng tăng / giảm của các chỉ tiêu trên.
4. **Doanh thu hoạt động tài chính:** Giảm 35.435.526 đồng do bù trừ doanh thu tài chính và chi phí tài chính giữa Văn phòng và Cửa hàng kinh doanh tổng hợp.
5. **Chi phí hoạt động tài chính:** Giảm 20.937.933 đồng
  - + Điều chỉnh tăng:
    - Hạch toán bổ sung lãi vay cá nhân: 14.377.326 đồng.
    - Điều chỉnh tăng gốc vay ngân hàng BIDV do hạch toán nhầm: 120.267 đồng.
  - + Điều chỉnh giảm: Giảm phần lãi vay Văn phòng tính cho Cửa hàng kinh doanh tổng hợp: 35.435.526 đồng.
6. **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** Giảm 338.711.698 đồng do:
  - + Điều chỉnh giảm chi phí thuê đất đang hạch toán vào TK 642 của 343 Lạc Long Quân về TK 241: 286.691.080 đồng.
  - + Điều chỉnh giảm chi phí thuê đất kỳ 2 năm 2016 tại 24-26 Nguyễn Công Trứ từ TK 642 về TK 632: 52.020.618 đồng.
7. **Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh:** Tăng 11.531.246 đồng do ảnh hưởng của các chỉ tiêu trên.
8. **Chi phí khác:** Giảm 33.386.169 đồng do:
  - + Điều chỉnh giảm chi phí thanh lý bất động sản đầu tư: 33.400.000 đồng.
  - + Điều chỉnh bút toán đơn TK 811 do kết quả kinh doanh kết chuyển thiếu: 13.831 đồng.
9. **Lợi nhuận khác:** Tăng 33.386.169 đồng do ảnh hưởng của chỉ tiêu "Chi phí khác"
10. **Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế:** Tăng 44.917.415 đồng do ảnh hưởng của các chỉ tiêu trên.

50  
KHOA  
N  
CỘNG  
DÕ F  
VE VAI  
XANG  
AV -

11. **Chi phí thuế TNDN hiện hành:** Giảm 20.420.919 đồng là số thuế TNDN điều chỉnh giảm do tính nhầm thuế suất thuế TNDN và do ảnh hưởng của chỉ tiêu “Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế”.

12. **Lợi nhuận sau thuế TNDN:** Tăng 65.338.334 đồng do ảnh hưởng của chỉ tiêu “Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế” và “Chi phí thuế TNDN hiện hành”.

Các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán Công ty mẹ cũng bị ảnh hưởng chủ yếu bởi các điều chỉnh trên.

## II. Báo cáo tài chính hợp nhất:

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	BCTC Công ty lập	BCTC kiểm toán	Chênh lệch
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	84.754.745.488	82.754.973.020	-1.999.772.468
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	3.212.687.182	2.974.397.309	-238.289.873
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	81.542.058.306	79.780.575.711	-1.761.482.595
4. Giá vốn hàng bán	11	62.809.762.933	61.664.639.013	-1.145.123.920
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	18.732.295.373	18.115.936.698	-616.358.675
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	281.793.691	246.361.186	-35.532.505
7. Chi phí tài chính	22	6.318.774.097	6.297.839.185	-20.934.912
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	6.317.889.552	6.296.954.640	-20.934.912
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		57.685.952	57.685.952
9. Chi phí bán hàng	25	3.813.315.769	3.509.639.953	-303.675.816
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.162.377.425	4.823.665.727	-338.711.698
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	3.719.621.773	3.788.838.971	69.217.198
12. Thu nhập khác	31	927.191.588	927.191.588	0
13. Chi phí khác	32	892.815.765	859.429.596	-33.386.169
14. Lợi nhuận khác	40	34.375.823	67.761.992	33.386.169
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	3.753.997.596	3.856.600.963	102.603.367
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	1.188.238.467	1.155.705.201	-32.533.266
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	2.565.759.129	2.700.895.762	135.136.633

BCTC hợp nhất của Công ty được tổng hợp từ BCTC công ty mẹ và 02 Công ty con (Công ty TNHH một thành viên Rượu vang Thăng Long và Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Địa ốc Thăng Long). Vì vậy, sự thay đổi của các chỉ tiêu tương ứng của BCTC Công ty mẹ và BCTC Công ty con sẽ ảnh hưởng đến BCTC hợp nhất. Cụ thể:

1. **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** Giảm 1.999.772.468 đồng do:
  - + Ảnh hưởng của BCTC Công ty mẹ, điều chỉnh giảm doanh thu: 10.543.319 đồng.
  - + Loại trừ doanh thu tính trùng Công ty mẹ cung cấp dịch vụ vận chuyển cho Công ty con: 300.387.548 đồng.
  - + Loại trừ tiền hoa hồng bán hàng Công ty con xuất hóa đơn cho Công ty mẹ: 1.688.841.601 đồng.
2. **Các khoản giảm trừ doanh thu:** Giảm 238.289.873 đồng là do:
  - + Ảnh hưởng của BCTC Công ty mẹ, điều chỉnh giảm chiết khấu bán hàng: 10.543.319 đồng.
  - + Điều chỉnh giảm hàng bán trả lại hạch toán tăng TK 632 “Giá vốn hàng bán” giữa Công ty mẹ và Công ty con: 227.746.554 đồng.
3. **Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ:** Giảm 1.761.482.595 đồng do ảnh hưởng của 02 chỉ tiêu trên.
4. **Giá vốn hàng bán:** Giảm 1.145.123.920 đồng do:
  - + Điều chỉnh tăng:
    - Ảnh hưởng của BCTC Công ty mẹ, điều chỉnh tăng giá vốn hàng bán: 312.682.859 đồng.
    - Điều chỉnh tăng giá vốn hàng bán từ TK 531 “Hàng bán trả lại” giữa Công ty mẹ và Công ty Con: 227.746.554 đồng.
    - Điều chỉnh tăng giá vốn Công ty mẹ bán hàng cho Cửa hàng kinh doanh tổng hợp từ TK 641 “Chi phí bán hàng”: 3.288.268 đồng.
  - + Điều chỉnh giảm: Loại trừ tiền hoa hồng bán hàng Công ty con xuất hóa đơn cho Công ty mẹ: 1.688.841.601 đồng.
5. **Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ:** Giảm 616.358.675 đồng do ảnh hưởng của các chỉ tiêu trên.
6. **Doanh thu hoạt động tài chính:** Giảm 35.532.505 đồng do ảnh hưởng của BCTC Công ty mẹ.
7. **Chi phí hoạt động tài chính:** Giảm 20.934.912 đồng do ảnh hưởng của BCTC Công ty mẹ.
8. **Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết:** Tăng 57.685.952 đồng do hạch toán bổ sung lãi của hoạt động liên kết.
9. **Chi phí bán hàng:** Giảm 303.675.816 đồng là do:
  - + Loại trừ chi phí tính trùng Công ty mẹ cung cấp dịch vụ vận chuyển cho Công ty con: 300.387.548 đồng.
  - Điều chỉnh giảm chi phí bán hàng Công ty mẹ bán hàng cho Cửa hàng kinh doanh tổng hợp sang TK 632 “Giá vốn hàng bán”: 3.288.268 đồng.

10. **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** Giảm 338.711.698 đồng là do ảnh hưởng của BCTC Công ty mẹ.
11. **Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh:** Tăng 69.217.198 đồng do ảnh hưởng của các chỉ tiêu trên.
12. **Chi phí khác:** Giảm 33.386.169 đồng do ảnh hưởng của BCTC Công ty mẹ.
13. **Lợi nhuận khác:** Tăng 33.386.169 đồng do ảnh hưởng của các chỉ tiêu “Thu nhập khác” và “Chi phí khác”.
14. **Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế:** Tăng 102.603.367 đồng do ảnh hưởng của các chỉ tiêu trên.
15. **Chi phí thuế TNDN hiện hành:** Giảm 32.533.266 đồng là số thuế TNDN điều chỉnh giảm do tính nhầm thuế suất thuế TNDN và do ảnh hưởng của chỉ tiêu “Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế”.
16. **Lợi nhuận sau thuế TNDN:** Tăng 135.136.633 đồng do ảnh hưởng của chỉ tiêu “Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế” và “Chi phí thuế TNDN hiện hành”.

Các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất cũng bị ảnh hưởng chủ yếu bởi các điều chỉnh trên.

Trên đây là toàn bộ giải trình về ý kiến ngoại trừ của kiểm toán và chênh lệch trên BCTC năm tài chính 2016 (từ 01/4/2016 đến 31/3/2017) chưa kiểm toán và BCTC năm tài chính 2016 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Vang Thăng Long.

Công ty Cổ phần Vang Thăng Long trân trọng cảm ơn.

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- Lưu P.TC-HC, P.TC-KT.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Phạm Xuân Hà